TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2022/HSPT
Ngày 19 - 7 - 2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thị Lan Anh.

Các thẩm phán: bà Nguyễn Thị Thanh Bình;

ông Lưu Toàn Nghĩa.

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: ông Đỗ Xuân Trường - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 59/2022/TLPT-HS ngày 25 tháng 4 năm 2022 đối với bị cáo Đỗ Văn V và bị cáo Nguyễn Văn Đ do có kháng cáo của Bị hại đối với bản án hình sự sơ thẩm số 32/2022/HSST ngày 14/3/2022 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Thái Bình.

*** Các bị cáo:**

1. Đỗ Văn V sinh ngày 05/12/1997 tại tỉnh Thái Bình; nơi cư trú: thôn L, xã V1, thành phố T, tỉnh Thái Bình; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: lớp 12/12; con ông Đỗ Như Đ1 và bà Hoàng Thị T1; có vợ là chị Phạm Thị H và có 01 con sinh; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: Bản án số 20/2022/HSST ngày 25/01/2022 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Thái Bình, xử phạt bị cáo 07 năm tù, phạt bổ sung bị cáo 10.000.000 đồng về tội "*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*"; bị cáo đang thi hành Bản án số 32/2022/HS-PT ngày 14/3/2022 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Thái Bình tại Trại giam Thanh Lâm – Bộ Công an, được trích xuất có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Văn Đ sinh ngày 16/3/1996 tại tỉnh Thái Bình; nơi cư trú: thôn V2, xã V3, huyện V4, tỉnh Thái Bình; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: lớp 09/12; con ông Nguyễn Văn L1 và bà Nguyễn Thị H1; tiền án, tiền sự: không; bị cáo đang thi hành Bản án số 32/2022/HS-PT ngày 14/3/2022 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Thái Bình tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Bình, được trích xuất có mặt tại phiên tòa.

* *Bị hại:* bà Nguyễn Thị Hải Y sinh năm 1976; nơi cư trú: thôn L, xã V1, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

Đại diện theo ủy quyền của bà Y: bà Đinh Thị T2, địa chỉ: Nhà máy T3, đường T5, KCN P, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

(Bà Y và bà T2 đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ tháng 02/2020 đến ngày 26/8/2021, các bị cáo Đỗ Văn V, Hoàng Xuân T4, Lê Văn M, Nguyễn Văn Đ, Mai Cao T6, Hoàng Ngọc S, Phạm Thế Đ2 đã lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu, người quản lý tài sản đã thực hiện các hành vi trộm cắp tài sản trên địa bàn thành phố T và huyện V4, tỉnh Thái Bình; trong đó xác định được vào rạng sáng một ngày đầu tháng 7/2020, bị cáo Đỗ Văn V và bị cáo Nguyễn Văn Đ đã cùng nhau trèo tường vào nhà bà Nguyễn Thị Hải Y địa chỉ tại thôn L, xã V1, thành phố T, tỉnh Thái Bình, trộm cắp 01 chiếc xe máy điện hiệu Giant – 133S không có biển kiểm soát và 01 xe máy điện hiệu Suzika biển kiểm soát MDD1- 049.35 của gia đình bà Y.

Các bị cáo V và Đ đều khai, vì chiếc xe Giant 133S đã cũ khó tiêu thụ nên bị cáo V và bị cáo Đ đã mang chiếc xe này để lại ở lán để xe của Bệnh viện N nhưng không gửi qua bảo vệ của bệnh viện; còn chiếc xe nhãn hiệu Suzika màu sơn màu xanh trắng, các bị cáo đã tháo biển số vứt đi và sơn lại màu thành màu xanh để làm phương tiện đi lại.

Hội đồng định giá xác định 01 xe máy điện hiệu Suzika trị giá 4.000.000 đồng, 01 xe máy điện hiệu Giant – 133S trị giá 3.200.000 đồng. Tổng trị giá 02 xe máy điện là 7.200.000 đồng.

Cơ quan điều tra đã thu hồi chiếc xe Suzika, còn chiếc xe Giant – 133S hiện chưa thu hồi được.

Bản án hình sự sơ thẩm số 32/2022/HSST ngày 14 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Thái Bình đã quyết định:

"*3. Trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Căn cứ Điều 585, 586, 587Bộ luật Dân sự.*

....

3.1.4. Buộc bị cáo V và bị cáo Đ phải liên đới bồi thường cho chị Nguyễn Thị Hải Y số tiền 3.200.000 đồng, chia kỷ phần mỗi bị cáo phải bồi thường 1.600.000 đồng.

..."

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về vật chứng, về án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 19 tháng 4 năm 2020, bà Nguyễn Thị Hải Y nộp đơn kháng cáo với nội dung: yêu cầu Tòa án giải quyết trả lại cho bà 03 chiếc xe máy điện.

Ngày 15 tháng 7 năm 2022, bà Đinh Thị T2 đại diện cho bà Y nộp đơn đề nghị xét xử vắng mặt và trình bày ý kiến: trước khi bị mất 02 chiếc xe điện, bà Y còn mất một chiếc xe máy điện Vinfas màu đỏ; Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an thành phố T đã thu được khi khám nhà bị cáo T4; bà Y đã đến Công an thành phố nhận dạng chiếc xe đó là xe của mình nhưng điều tra viên cho biết: số khung của xe trùng với số khung trên giấy tờ bà Y cung cấp còn số máy đã bị đối tượng trộm cắp đục nên không thể kiểm tra. Bà T2 yêu cầu Tòa án trả lại cho bà Y 03 chiếc xe điện.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo V và Đ đều khai là các bị cáo chỉ trộm cắp của gia đình chị Y 02 chiếc xe điện.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình về việc giải quyết vụ án: kháng cáo của bà Y là không có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015: không chấp nhận kháng cáo của bà Y, giữ nguyên phần quyết định của Bản án sơ thẩm đã tuyên liên quan đến quyền lợi của bà Y; bà Y phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bị cáo V và Đ không tranh luận.

Trước khi Hội đồng xét xử nghị án, bị cáo không nói lời sau cùng: đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo pháp luật, không chấp nhận kháng cáo của bà Y.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Xét kháng cáo của bị hại về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng, thì thấy:

[1.1]. Bà Y kháng cáo cho rằng gia đình bà bị mất 03 chiếc xe máy điện nhưng tại Bản tường trình do bà Y viết ngày 04/9/2021(Bút lục 526) và Biên bản ghi lời khai của bà Y do Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an thành phố T lập ngày 19/10/2021 (Bút lục 527,528) bà Y đều chỉ khai báo: Vào một ngày đầu tháng 7 năm 2021, gia đình bà bị mất 02 chiếc xe máy điện để ở phòng khách gồm 01 chiếc xe nhãn hiệu SUZIKA sơn màu trắng đỏ và 01 chiếc xe nhãn hiệu DIBAO sơn màu xanh, bà Y còn khẳng định " Ngoài tài sản trên ra tôi không mất tài sản nào khác". Các bị cáo V và Đ giữ nguyên trình bày và lời khai của mình tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm: chỉ thừa nhận đã cùng nhau trộm cắp của gia đình bà Y 01 chiếc xe máy điện hiệu Giant – 133S không có biển khiểm soát và 01 xe máy điện hiệu Suzika biển kiểm soát MDD1- 049.35.

Tài liệu trong hồ sơ có thể hiện việc Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an thành phố T có quản lý của ông Hoàng Ngọc S1 là bố đẻ bị có Hoàng Văn T4 01 xe máy điện nhãn hiệu VINFAST- KLARA, không có biển số, ông Sơn khai không rõ nguồn gốc. Cơ quan điều tra đã trưng cầu giám định số máy, số khung và xác minh nguồn gốc xe, kết quả như sau:

- Kết luận giám định số 90/KLGĐKT-PC09 ngày 13/9/2021 của Phòng Kỹ thuật Hình sự - Công an tỉnh Thái Bình (Bút lục số 380) kết luận:

"Tại thời điểm giám định 01 (một) xe máy điện dán nhãn hiệu VINFAST KLARA, sơn màu đỏ, không đeo biểm kiểm soát.

- Hàng chữ, chứ số đóng trên khung xe bị tẩy xóa. Chữ, chữ số nguyên thủy đọc được: RLXM2SHL VJEM00742.

- Hàng chữ, chữ số đóng trên thâm máy bị tẩy xóa. Chữ, chữ số nguyên thủy đọc được: RBN...HAA18B16072 (dấu... là vị trí chữ, chữ số nguyên thủy không đủ điều kiện kết luận"

- Phiếu trả lời xác mác minh phương tiện giao thông cơ giới đường bộ của PC 08 - Công an tỉnh Thái Bình (Bút lục số 381: không tìm thấy dữ liệu tra cứu đối với phương tiện có số máy: RBN…HAA18B16072, số khung: RLXM2SHL VJEM00742.

Vì vậy không có căn cứ xác định chiếc xe máy điện nhãn hiệu VINFAST-KLARA mà cơ quan điều tra quản lý của ông Sơn là tài sản của bà Y bị trộm cắp. Chiếc xe này là phương tiện không được phép lưu hành nên Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định tịch thu nộp ngân sách nhà nước chiếc xe này là phù hợp với quy định tại điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Đối với 02 chiếc xe máy điện mà bị cáo V và bị cáo Đ trộm cắp của bà Y: Cơ quan điều tra chỉ thu hồi được chiếc xe Suzika trị giá 4.000.000 đồng, nhưng theo kết luận giám định, số máy hiện tại của xe không phù hợp với số máy trong Giấy đăng ký xe; bà Y cũng thừa nhận: trước khi bị mất xe, bà Nguyễn Thị Hải Y có thay máy của xe. Vì vậy Cơ quan điều tra xác định chưa đủ căn cứ trả lại chiếc xe này cho bà Nguyễn Thị Hải Y là có cơ sở. Còn chiếc xe Giant – 133S trị giá 3.200.000 đồng hiện chưa thu hồi được; Tòa án cấp sơ thẩm đã buộc bị cáo V và bị cáo Đ phải liên đới bồi thường thiệt hai giá trị chiếc xe này cho chị Nguyễn Thị Hải Y là phù hợp với các Điều 584, 585,586,587, 589 Bộ luật Dân sự.

[2]. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xủ phúc thẩm thấy: kháng cáo của bị hại về phần trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng là không có căn cứ, cần căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015: giữ nguyên bản án sơ thẩm về trách nhiệm dân sự có liên quan đến quyền lợi của bà Y

[5]. Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban nhân dân ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, kháng cáo của bà Y không được chấp nhận, bà Y phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015:

[1]. Không chấp nhận kháng cáo của bị hại là bà Nguyễn Thị Hải Y; giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 32/2022/HSST ngày 14/3/2022 của Tòa án nhân dân thành

phố T, tỉnh Thái Bình về phần trách nhiệm dân sự và xử lý vạt chứng liên quan đến quyền và lợi ích của bà Nguyễn Thị Hải Y:

Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Căn cứ Điều 585, 586, 587 Bộ luật Dân sự

- Buộc bị cáo V và bị cáo Đ phải liên đới bồi thường cho chị Nguyễn Thị Hải Y số tiền 3.200.000 đồng, chia kỷ phần mỗi bị cáo phải bồi thường 1.600.000 đồng.

- Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước 01 chiếc xe máy điện hiệu VINFAST-KLARA không có biển số, bị đục số máy, số khung thu giữ tại gia đình ông Hoàng Ngọc S1 (bố đẻ bị cáo T4).

[2] Về án phí: Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: bà Nguyễn Thị Hải Y phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án 19/7/2022./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- TAND, VKSND, CA, THADS Thành phố T, tỉnh Thái Bình;
- Bị cáo;
- Người kháng cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa.

(Đã ký)

Nguyễn Thị Lan Anh